

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HS-ST**

Ngày: 24/01/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hoàng.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Đinh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2021/TLST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày: 11/3/1993; nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Lê Thị M, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2013.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 02 tiền sự. Ngày 29/7/2021 Công an xã B, huyện H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 30/8/2021 Công an thị trấn H, huyện H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã nộp phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- ***Bị hại:*** Ông Lê Văn T, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- ***Người làm chứng:***

- 1/ Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1995 (Vắng mặt).
2/ Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp P, xã V, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm 15/10/2021, Lê Văn N, sinh năm 1993, nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bến Tre đến chơi và ngủ lại tại nhà của Nguyễn Trung H, sinh năm 1995, thuộc ấp P, xã V, huyện H. Đến khoảng 08 giờ 15 phút ngày 16/10/2021, N điều khiển xe mô tô biển số: 76P6-8262 đi về nhà N tại thị trấn B. Khi đi đến khu vực ấp L, xã T, huyện H, N nhìn thấy 01 xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu Asama của ông Lê Văn T, sinh năm 1964, nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện H đang dựng bên lề đường, không người trông coi, nên N nảy sinh ý định trộm cắp. N chạy xe mô tô của mình đến gửi vào sân nhà ông Trần Văn D, sinh năm 1972 rồi đi bộ đến trộm xe đạp điện của ông T, chạy về nhà của H cất giấu. Sau đó, N nói với H chở N đi lấy xe mô tô của mình, H điều khiển xe mô tô biển số: 52N9-9162 chở N đến nhà ông Điện, khi N đi vào sân nhà ông D để lấy xe mô tô của N thì bị ông D và ông T truy hô, H bị giữ lại còn N lên xe tẩu thoát. Quá trình điều tra, N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận: 01 (một) xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu Asama (mua năm 2019) có giá trị 2.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ 01 (một) xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu Asama của Lê Văn T; 01 (một) xe mô tô biển số: 52N9-9162 của Nguyễn Trung H và 01 (một) xe mô tô biển số: 76P6-8262 của Lê Văn N. Ngày 17/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại 01 (một) xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu Asama cho bị hại Lê Văn T; 01 (một) xe mô tô biển số: 52N9-9162 cho Nguyễn Trung H và hiện đang tạm giữ của Lê Văn N: 01 (một) xe mô tô biển số: 76P6-8262, nhãn hiệu: FULJIR, số loại: C100, màu sơn: Nâu; số máy: 3513397, số khung: 10634575.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn T không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKSBD ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 16/10/2021, tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre, Lê Văn N đã có hành

vi lén lút lấy trộm một xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu Asama của ông Lê Văn T. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt có giá trị là 2.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N có mức án từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng, xử lý vật chứng: Trả cho bị cáo 01 (một) xe mô tô biển số: 76P6-8262, nhãn hiệu FULJIR, số loại: C100, màu sơn: Nâu, số máy: 3513397, số khung: 10634575.

Đối với hành vi của Nguyễn Trung H có hành vi chở Lê Văn N đi đến trước sân nhà ông Trần Văn D. Tuy nhiên, H chỉ chở N đi lấy xe mô tô của N. Sau khi lấy trộm xe đạp điện của ông Thất, N đã tự ý đem về cất giấu tại nhà của H, H không biết N đi trộm cắp tài sản, nên không đề cập xử lý hành vi của H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị hại là ông Lê Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt: Ông đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Văn N tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất. Đối với xe mô tô biển số: 76P6-8262 là tài sản của bị cáo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn N nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Bị hại ông Lê Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người làm chứng là anh Nguyễn Trung H, chị Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của bị hại; những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; những người làm chứng được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ trực tiếp như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận định giá tài sản...Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở kết luận rằng: Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 16/10/2021, tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Văn N đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu Asama của ông Lê Văn T. Tài sản chiếm đoạt có giá trị là 2.500.000 đồng.

Do đó, bị cáo Lê Văn N đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Lê Văn N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tuy nhiên, xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy trước hậu quả nhưng vẫn cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi xảy ra vụ án. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tiền án nhưng trước đây đã phạm tội. Ngày 30/7/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự phúc thẩm số 108/2015/HSPT; ngày 22/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST (đã xóa án tích). Ngoài ra bị cáo có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản do đó bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, định khung hình phạt bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo còn có có cha, cậu, chú ruột là bộ đội xuất ngũ. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo cần phải cách ly ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định nhằm để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Mặt khác còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Bị hại là ông Lê Văn T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số: 76P6-8262, nhãn hiệu: FULJIR, số loại: C100, màu sơn: Nâu; số máy: 3513397, số khung: 10634575. Đây là tài sản của bị cáo và tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu nhận lại nên trả cho bị cáo.

[10] Đối với hành vi của anh Nguyễn Trung H có hành vi chở Lê Văn N đi đến trước sân nhà ông Trần Văn D. Tuy nhiên, H chỉ chở bị cáo N đi lấy xe mô tô của N. Sau khi lấy trộm xe đạp điện của ông T, N đã tự ý đem về cất giấu tại nhà của H, H không biết N đi trộm cắp tài sản, nên không đề cập xử lý hành vi của Hiếu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo Lê Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; đề nghị hình phạt; về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại; về vật chứng, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu: 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả cho bị cáo Lê Văn N 01 (một) xe mô tô biển số: 76P6-8262, nhãn hiệu: FULJIR, số loại: C100, màu sơn: Nâu; số máy: 3513397, số khung: 10634575.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 13/01/2022.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải